

NÔNG DÂN VÀ RUỘNG ĐẤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG – XÉT TRÊN KHÍA CẠNH XÃ HỘI

NCS. Nguyễn Thị Thu Thoa

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình cải cách, đổi mới và mở cửa đất nước từ năm 1986, bộ mặt kinh tế - xã hội Việt Nam có sự thay đổi rõ nét và đồng bằng sông Cửu Long cũng nằm trong xu hướng của sự biến đổi đó. ĐBSCL là vùng đất mới được khai phá từ khoảng thế kỷ XV – XVI, khác với ĐBSH, đây là đồng bằng trẻ, có lượng phù sa màu mỡ hàng năm do sông Mê Kông cung cấp, khí hậu ôn hoà, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp đặc biệt là chuyên canh cây lúa và cây ăn quả. Song song với những thành tựu đạt được qua quá trình đổi mới toàn diện của đất nước, ĐBSCL hiện đang đối mặt với những vấn đề nan giải xuất phát từ thực tiễn ruộng đất và đời sống nông dân như: Vấn đề lao động trong nông nghiệp; Quá trình tích tụ ruộng đất. Sự biến đổi về ruộng đất kéo theo sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội, làm biến đổi cơ cấu xã hội nông nghiệp truyền thống của Việt Nam, từ xã hội nông nghiệp thuần tuý – tiểu nông nay có ảnh hưởng của kinh tế thị trường, có sự hiện diện của đô thị trong nông thôn.

2. XU HƯỚNG PHÂN HÓA XÃ HỘI CỦA NÔNG DÂN ĐBSCL

Tình trạng nông dân bỏ ruộng, trả ruộng đã xảy ra ở nhiều địa phương trong cả nước, có nơi âm thầm, có nơi ồ ạt. Nếu những năm 2011 trở về trước, việc bỏ hoang ruộng đất mới xảy ra ở một số tỉnh chung quanh các doanh nghiệp, khu, cụm công nghiệp, thì hiện nay ngày càng có nhiều hộ nông dân bỏ ruộng kéo nhau ra phố làm ăn. Một trong những nguyên nhân chính của thực trạng trên là do thu nhập từ canh tác nông nghiệp của nông dân so với thu nhập của những người ra thành phố kiếm sống có sự chênh lệch lớn. Theo ước tính, nếu được mùa, mỗi sào ruộng, sau khi trừ chi phí cũng chỉ được lãi vài trăm nghìn đồng. Trong khi đó, nếu như lên thành phố tìm việc làm, hoặc chuyển sang nghề khác, cũng có thể mang lại thu nhập từ 2,5 đến 3 triệu đồng/tháng. Trong khi thu nhập đã thấp, giá cả nông sản không ổn định, cho nên người nông dân không còn thiết tha đầu tư vào chính mảnh ruộng của mình.

Hiện tượng người nông dân bỏ ruộng, trả ruộng có hai cấp độ. Thứ nhất là nông dân lơ là với ruộng đất của mình, trước đây làm ba vụ thì bây giờ chỉ làm hai, trước làm hai vụ nay làm một, trước thâm canh tăng năng suất bây giờ quảng canh. Lý do chủ yếu là ruộng manh mún, giá đầu vào cao, giá đầu ra thấp, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp quá, người lao động bỏ ra thành thị làm thuê. Thứ hai, nếu trên mảnh ruộng đó mà hợp tác xã còn thu thêm phí dịch vụ, địa phương thu phí này nọ tính theo diện tích thì mảnh ruộng không những không giúp cải thiện cuộc sống mà còn trở thành gánh nặng cho người dân nên họ phải trả ruộng. Điều đó chứng tỏ sự khác biệt trong lựa chọn cơ hội của cư dân nông thôn. Trong khi thu nhập từ nông nghiệp chững lại thì các cơ hội khác ở đô thị, xuất khẩu lao động mở ra. Tuy nhiên, có một vấn đề không ổn, đáng lẽ người lao động tìm được cơ hội thu nhập khá hơn cứ ra đi và đất đai để lại sẽ được những người làm nông nghiệp giỏi mua hay thuê để phát triển sản xuất hàng hóa lớn, cơ giới hóa. Nếu cơ hội đó không trở thành thực tế, ngược

lại, ruộng vườn bị bỏ hóa, tức chính sách có vấn đề, nhất là chính sách đất đai. Sự vận hành của thị trường lao động và thị trường đất đai không phối hợp đồng bộ.

Nhưng ngay cả việc rút lao động ra cũng chưa ổn, đa số thanh niên từ nông thôn đi ra phải sung vào “thị trường lao động không chính thức”, làm mọi nghề “tự do” không có bằng cấp, đăng ký, hợp đồng, bảo hiểm..., thu nhập thấp, điều kiện làm việc kém, không thể tính chuyện di cư, định cư ổn định cùng gia đình, nghĩa là không có tương lai. Không thể tính bài toán “tự phát” như vậy cho thân phận hàng chục triệu người trong năm, bảy năm tới như vậy được.

Diện mạo cơ cấu các tầng lớp kinh tế-xã hội ở Nam bộ đã có nhiều biến đổi trong những thập niên vừa qua. ĐBSCL, tầng lớp hộ nông dân không đất chuyên đi làm mướn trong nông nghiệp hiện nay gia tăng so với thập niên 1990: từ con số 4,41% vào năm 1998[1]. Xu hướng tích tụ ruộng đất nói riêng và xu hướng phân hóa xã hội nói chung trong những thập niên qua ở nông thôn Nam bộ tuy có xảy ra nhưng kết quả điều tra cho thấy vẫn còn ở quy mô nhỏ và với mức độ khá yếu ớt. Quá trình này diễn ra “tương đối chậm” và “chưa tạo ra sự phân hóa sâu sắc”[7, tr 29,30]. Kết quả các cuộc điều tra thường cho biết rằng những hộ trung nông trên và hộ kinh doanh nông nghiệp là những tầng lớp làm ăn có hiệu quả nhất xét về mặt lô-gic kinh tế, có khả năng tái sản xuất mở rộng, và có năng lực quản lý tương đối khá hơn nhiều so với những tầng lớp bên dưới.

Nhiều nhà nghiên cứu cũng đã gợi lên ý tưởng này. Đào Thế Tuấn nêu lên câu hỏi “Tại sao không nghĩ đến việc giúp cho các nông dân khá và trung bình trở thành doanh nhân nông nghiệp?” và cho rằng “việc phát triển óc kinh doanh để tạo ra những doanh nhân nông thôn là chìa khóa để phát triển kinh tế nông thôn”[4, tr 31]. Đỗ Hoài Nam và Trần Đình Thiên cũng từng nêu rõ là nên “Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân ở nông thôn, coi đây là lực lượng chủ lực thúc đẩy công nghiệp nông thôn phát triển theo hướng dùng nhiều lao động trong giai đoạn tới”.

Những chính sách đối với trang trại hiện nay dường như vẫn chưa đủ để thể hiện tư duy này một cách triệt để và nhất quán. Lẽ tất nhiên, câu chuyện ở đây còn liên quan tới vấn đề sở hữu ruộng đất. Chúng tôi cho rằng việc tạo điều kiện về mặt cơ chế và chính sách để thúc đẩy hình thành sớm một tầng lớp kinh doanh nông nghiệp và kinh doanh ngành nghề ở nông thôn – hiểu theo nghĩa là những người “thuyền trưởng” của con tàu kinh tế, như cách nói của Joseph Schumpeter – chính là “chìa khóa để phát triển kinh tế nông thôn” như Đào Thế Tuấn đã nói [4, tr 59].

Tích tụ ruộng đất là quá trình tất yếu nhưng phải có điều kiện cần và đủ. Yếu tố cần là phải có khung pháp lý cho việc tích tụ và yếu tố đủ là người nông dân phải dịch chuyển ra được khỏi nông nghiệp. Do đó, nhiệm vụ của nền kinh tế là phải phát triển các ngành phi nông nghiệp (công nghiệp và dịch vụ) để hút lao động dư thừa ra khỏi nông thôn. Những ngành nghề này phải được tạo ra từ các đô thị vệ tinh tại địa phương thay vì chỉ tập trung vào các thành phố lớn. Người nông dân phải được thụ hưởng các chính sách, chương trình đào tạo nghề hiệu quả để họ chuyển đổi nghề nghiệp. Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý

(Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn) để khuyến khích tích tụ ruộng đất. Không thể tích tụ bằng cách dồn điền đổi thửa kiểu hàng đổi hàng như một số địa phương thực hiện thời gian qua mà phải thông qua cơ chế thị trường, đó là thuê và mua bán quyền sử dụng đất nông nghiệp. Không thể giúp nông dân giàu lên bằng cách bảo hộ nền sản xuất nhỏ lẻ.

3. TẦNG LỚP “CÔNG NHÂN NÔNG NGHIỆP”

Với sự khác biệt về thu nhập giữa các vùng, đặc biệt là giữa thành thị và nông thôn, như Hà Nội, Thành phố HCM và các khu công nghiệp khác luôn có mức thu nhập cao hơn nhiều so với khu vực nông thôn đã trở thành lực hút mạnh và khá hấp dẫn với lao động nông thôn. Do vậy, những năm gần đây di cư tự do, tự phát đã diễn ra ngày càng có tính phổ biến trong mọi miền quê với quy mô và cường độ ngày càng cao... đã trở thành xu hướng và có tính qui luật khách quan.

Theo kết quả điều tra gần đây cho thấy lao động di cư từ nông thôn ra thành thị phần lớn thuộc nhóm dân cư trẻ tuổi (18- 30 tuổi) và chưa kết hôn. Tuy phần lớn số người di cư là nam giới nhưng nữ giới lại có xu hướng di cư trẻ hơn nam giới, tỷ lệ nữ di cư ở độ tuổi dưới 25 tuổi chiếm 55,4% còn nam chiếm 42,4%. Mục đích di cư chủ yếu là để tìm kiếm việc làm, lao động kiếm sống và cải thiện thu nhập. Nhưng nhìn chung, phụ nữ thường có nhiều trách nhiệm về kinh tế gia đình hơn nam .

Trong những năm gần đây ở Việt Nam xuất hiện thuật ngữ “công nhân nông nghiệp” dùng để chỉ những người nông dân hiện đại hiện đại, trong quá trình sản xuất ra nông sản họ cũng sử dụng và gắn kết với những máy móc, KHKT có trình độ này càng cao. Thực tế hiện nay, việc sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam nói chung và các tỉnh ĐBSCL nói riêng đã được coi giới hoá rất nhiều, máy bừa, cày, gieo, xạ, máy gặt đập liên hợp, máy xay lúa, xay xát...hầu như công đoạn nào cũng có máy móc thực hiện.

Tầng lớp công nhân nông nghiệp này có biểu hiện ở dạng thứ 2 là những người làm thuê (như công nhân). Trong quá trình đô thị hoá, một bộ phận nông mất đất do quá trình mở rộng đô thị hoặc do bán đất...Không còn đất đai để canh tác buộc họ phải làm thuê trên chính mảnh đất của mình. Lý do thứ 2 là quá trình tích tụ ruộng đất hình thành các trang trại lớn, khi đó chủ các trang trại phải thuê mướn nhân công làm việc cho họ và hình thành tầng lớp công nhân nông nghiệp

Hồ Cao Việt đã mô tả khá kỹ một tầng lớp khi nhận định rằng đã hình thành một “thị trường lao động không chính thức” trong nông thôn thông qua sự xuất hiện của những nhóm lao động “có tổ chức, có người đứng đầu, không chính thức, không có tư cách pháp nhân”. Thành viên của những nhóm này là lao động thuộc “những hộ có đất ít, lao động và nhân khẩu đông, trình độ văn hóa thấp, không có tay nghề, ít vốn (những yếu tố hạn chế chuyển dịch sang ngành nghề phi nông nghiệp), có kỹ năng sản xuất nông nghiệp (lao động nông nghiệp giỏi), độ tuổi trung niên.”[5, tr3]

Theo Hồ Cao Việt, tình hình khan hiếm lao động thời vụ đã khiến cho “giá thuê lao động tăng cao và nhất là xuất hiện những tổ nhóm lao động chuyên”[8,tr3] . Đây là những nhóm “lao động chuyên nghiệp, chuyên làm thuê và chuyên môn hóa từng khâu, đã và đang

góp phần giải quyết sự thiếu hụt lao động nông nghiệp và tạo công việc làm cho bộ phận nông dân ít đất và không đất”.

Xu thế rời bỏ nông nghiệp chỉ trở thành tiền bộ xã hội khi người nông dân kiếm được một nghề khác có thu nhập không chỉ cao hơn mà còn nâng cao được chất lượng sống của họ. Với câu hỏi ông/ bà lựa chọn nghề gì nếu không làm nông nghiệp có 69% lựa chọn làm nghề buôn bán. Còn 24% không biết làm nghề gì và chỉ có 7% là sẽ lựa chọn một ngành nghề mới.

Việc người dân ĐBSCL lựa chọn nghề mới là sự đột phá trong tâm thức của họ, bản thân người dân cũng chưa an tâm nên họ vẫn giữ lại mảnh đất ở quê làm đường lùi phòng khi sa cơ lỡ bước. Vì vậy, số nông dân trả lại ruộng đất thấp hơn nhiều so với số người để hoang hoặc cho thuê thời gian ngắn. Điều đó cũng cho thấy chưa có cơ chế bảo vệ nông dân thoát ly khỏi nông nghiệp và thực trạng này vô hình trung lại trì hoãn quá trình tích tụ ruộng đất, điều kiện tiên quyết để cơ giới hóa và hiện đại hóa nông nghiệp..

Vấn đề đặt ra là làm sao tìm ra những giải pháp thực tiễn và giải pháp chính sách nhằm tạo điều kiện hình thành và thúc đẩy sự khuếch trương của các ngành nghề ở nông thôn phù hợp với lợi thế của từng địa phương, đặc biệt ở ĐBSCL.

Việc quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn cũng như việc đào tạo tay nghề hẳn nhiên là những điều kiện thiết yếu nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch ngành nghề và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn. Nguyễn Quang Vinh cũng từng nói đến tầm quan trọng của việc phát triển ngành nghề khi cho rằng cần “mở thêm các ngành nghề phi nông nghiệp trong nông thôn phải được coi là một chỉ tiêu mạnh của tuyến đô thị hóa vùng ngoại vi”[9, tr36]. Vũ Tuấn Anh thì nhấn mạnh rằng cần phải “tư duy lại về chiến lược phát triển công nghiệp nông thôn và vạch ra con đường đi lên của các làng nghề theo hướng hiện đại hóa”[14, tr19]. Tác giả Đinh Trọng Thắng đã gợi ý một số hướng phát triển doanh nghiệp ở nông thôn, đó là : (a) phát triển do “ảnh hưởng lan tỏa từ thành thị”; (b) chế biến các loại nông sản ; (c) phát triển dựa trên các làng nghề ; (d) tích tụ sản xuất quy mô lớn dưới hình thức trang trại.

4. HIỆN TƯỢNG XUẤT CƯ NÔNG THÔN

Xuất cư nông thôn cũng là một hiện tượng đáng lưu ý ở ĐBSCL. Theo kết quả khảo sát, có một bộ phận dân cư nông thôn có xu hướng đổ về đô thị, nhất là nơi những hộ nghèo nhất, và không chỉ nơi lớp trẻ mà kể cả nơi một số người đứng tuổi.

Tình hình sinh kế khó khăn trong lĩnh vực nông nghiệp đã khiến cho ngày càng có nhiều lao động chuyển sang làm những ngành nghề phi nông nghiệp và rời bỏ nông thôn, nhất là lớp trẻ dưới 30 tuổi. Hệ quả là nhiều nông hộ chỉ còn lại người lớn tuổi. Hồ Cao Việt từng nhận xét rằng “sự khan hiếm (tương đối) lực lượng lao động trẻ ở nông thôn những năm gần đây rất phổ biến ở đồng bằng sông Cửu Long”. Mặt khác, mặc dù nhìn chung thì nông thôn thường thừa lao động và khiếm dụng lao động, nhưng tình hình thiếu lao động vẫn xảy ra ở những vùng có mật độ dân cư thấp, những vùng có khả năng tăng vụ và những vùng nằm gần khu công nghiệp hoặc đô thị. Những hiện tượng này chắc hẳn không chỉ xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long.

Chuyện “lão hóa” trong lực lượng lao động nông nghiệp phải chăng phản ánh tình trạng lớp tuổi thanh niên không gắn bó với nghề nông vì họ không thấy nghề này có tương lai? Phải chăng vì họ ý thức được sức ỳ và sức kìm tỏa của nền kinh tế tiểu nông? Nếu một nền nông nghiệp chỉ có khả năng giữ lại được những người đứng tuổi thì nó sẽ đi về đâu? Câu chuyện này quả là một thách thức và thực sự đặt ra nhiều vấn đề hệ trọng trước tương lai của một nền nông nghiệp có tham vọng tiến lên trình độ hiện đại. Mặt khác, hiện tượng xuất cư nông thôn còn có thể gây tác động tiêu cực cho chính nền kinh tế nông nghiệp.

Phải chăng do nền kinh tế ở ĐBSCL đang rơi vào tình trạng suy kiệt nên không ít nông hộ và lao động không còn tha thiết với nghề nông và cuộc sống ở nông thôn?

5. TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT

ĐBSCL hiện nay, ruộng đất không còn là yếu tố then chốt duy nhất quyết định con đường làm giàu của nông hộ. Tuy vậy, đối với những nông dân có vốn liếng, có trình độ khai thác nông nghiệp giỏi và có đầu óc kinh doanh thì việc tích tụ ruộng đất vẫn là một điều kiện cần thiết để mở rộng quy mô canh tác và khuếch trương quy mô kinh doanh.

Xét cả về mặt kinh tế lẫn kỹ thuật thì quá trình tích tụ ruộng đất sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cơ giới hóa và hợp lý hóa quy trình sản xuất nông nghiệp, từ đó mới có thể từng bước thoát ra khỏi nền kinh tế tiểu nông và bước vào quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn.

Mặt khác, tâm thức đối với ruộng đất của người dân Nam bộ vốn gắn liền với chế độ sở hữu tư nhân cũng là một yếu tố quan trọng cần được lưu tâm một cách thích đáng, vì đại đa số là đất do ông bà để lại và đất nhờ mua lại mà tạo lập được.

Kết quả khảo sát cho thấy sự phân hóa kinh tế-xã hội trong nông thôn tiếp tục diễn ra trong những năm qua, nhưng sự phân hóa này thực ra vẫn còn ở mức độ hết sức hạn hẹp và yếu ớt, chứ không đạt đến mức độ đáng báo động như chiều hướng phân hóa mà chúng ta đang chứng kiến ở những thành thị lớn ngày nay. Đối với nông thôn ĐBSCL, nếu tiếp tục chỉ sử dụng những chính sách và biện pháp mang nặng tính hành chính nhằm mục tiêu mệnh danh là hạn chế sự phân hóa thì vô hình trung lại tạo ra những rào cản cản trở quá trình phát triển bình thường của nền kinh tế nông nghiệp.

Lê Du Phong cho rằng hiện tượng nông dân không đất và thiếu đất sản xuất, và đi kèm theo đó là hiện tượng “tích tụ và tập trung ruộng đất cho những người biết làm ruộng và làm ruộng giỏi là một tất yếu của sự phát triển nông nghiệp cũng như của sự phân công lao động xã hội ở nông thôn”, và những xu hướng này là “đúng với quy luật của sự phát triển, là điều không thể cưỡng lại được” [6, tr21]. Vũ Trọng Khải cũng nhận xét rằng xu hướng tích tụ ruộng đất để lập trang trại sản xuất nông sản hàng hóa là “một tất yếu khách quan của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thực hiện theo cơ chế thị trường”, và xu hướng này hoàn toàn khác biệt so với phương thức phát canh thu tô thời phong kiến, theo đó, tá điền thì lãnh canh, còn địa chủ thì “tích tụ ruộng đất [theo phương thức] phi thị trường” [12, tr 59].

Chế độ sở hữu ruộng đất ở Việt Nam theo quy chế “sở hữu toàn dân” hiện nay là một thứ “đặc thù riêng có” và khác biệt so với hầu hết các nước trên thế giới, theo nhận định của

Nguyễn Hữu Đạt và Ngô Tuấn Nghĩa. Theo Đào Thế Tuấn, để thúc đẩy sự chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông thôn, thì cần “phải đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu ruộng đất”. Quá trình này hiện nay bị cản trở là vì “thị trường ruộng đất chưa được công khai, sở hữu ruộng đất đang còn là phi hình thức”[4, tr30]

Nói đến tiến trình phát triển nông thôn ở Nam bộ, chúng ta cũng không thể không đề cập tới mối quan hệ giữa nông thôn với đô thị. ĐBSCL với mô hình sản xuất lớn trên cơ sở tiểu sở hữu có thể được coi là một mô hình có triển vọng mang tính chất phát triển bền vững, trong đó điều cần nhấn mạnh là phải đồng thời chú tâm và tạo điều kiện phát huy tính năng động của chủ thể của tiến trình phát triển này, đó là người dân nói chung và người nông dân nói riêng, nhà doanh nghiệp, và nhà nước (4 nhà) Mô hình vừa nêu chủ yếu mang tính chất kinh tế, điều kiện thuộc về khuôn khổ chính sách nhà nước.

6. KẾT LUẬN

Sự phát triển là quá trình cấu trúc lại nền sản xuất xã hội, biến nông nghiệp và các ngành, các lĩnh vực khác nhau thành những lĩnh vực, những ngành công nghiệp đặc thù. Sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn được quyết định bởi sự thay đổi trong phương thức sản xuất, của kết cấu kinh tế gắn với công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế. Nói khác đi, nông nghiệp, nông thôn chuyên biến chịu sự chi phối của các quy luật thị trường. Do đó, giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn không chỉ bó hẹp trong nội bộ nông thôn và nông nghiệp, mà cần phải xây dựng quan niệm phát triển thành thị và nông thôn song hành với nhau, xoá bỏ ngăn cách giữa thể chế nông thôn với thành thị, phải đưa vấn đề phát triển nông nghiệp vào trong bộ cục phát triển kinh tế quốc dân, đưa tiến bộ nông thôn vào tiến bộ chung của toàn xã hội, phải xem xét mục tiêu gia tăng thu nhập nông dân trong hệ thống phân phối và tái phân phối thu nhập quốc dân. Chỉ có như vậy mới hy vọng giải quyết tận gốc bản chất các vấn đề của nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Quan điểm này thể hiện sự gắn kết trên qui mô tổng thể của toàn nền kinh tế, các ngành và địa phương, với nông nghiệp, nông dân, nông thôn nghiệp, nông thôn và nông dân ở Việt Nam hiện nay./.